| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH LONG AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 87/2024/DS-PT
Ngày: 21-02-2024
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại tài sản là quyền sử dụng đất, chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật QSDĐ & di dời mồ mã.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*Bà Trịnh Thị Phúc

*Các Thẩm phán:*Ông Đặng Văn Những

Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 536/2023/TLPT-DS ngày 27 tháng 11 năm 2023 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại tài sản là quyền sử dụng đất, chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật QSDĐ & di dời mồ mã*"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 119/2023/DS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 839/2023/QĐ-PT ngày 14 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Đỗ Biên T, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: 9 E Đ, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ hiện nay: 3 X, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Tấn C, sinh năm 1949 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Châu Thị L, sinh năm 1952 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Bình Thủy, xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

2. Bà Trần Thị Cẩm H, sinh năm 1967 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 3 X, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Ghè Long H1, sinh năm 1976. Địa chỉ: C L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt)

4. Văn phòng C3 tỉnh Long An (Nay là Văn phòng công chứng Võ Văn N). Địa chỉ: Ô, Khu B, thị trấn H, huyện Đ, Tỉnh Long An (có đơn xin vắng mặt);

5. Ủy ban nhân dân huyện Đ. Địa chỉ: Ô, Khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An (có đơn xin vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Đỗ Biên T

- *Người kháng nghị*: Viện trưởng Viện kiểm nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 6 năm 2022 và các lời trình bày tiếp theo tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Đỗ Biên T trình bày như sau*:

Các thửa đất 50, 52 và 53 tờ bản đồ 32 xã T, huyện Đ, tỉnh Long An có diện tích 8.641m$^2$ loại đất trồng lúa do ông nhận chuyển nhượng của ông Võ Trọng H2 vào năm 2011 giá bao nhiêu không nhớ. Ngày 02/6/2011 ông đã được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa đất nói trên. Khi mua đất ông có giao tiền cho ông H2 có ông B và ông H3 chứng kiến. Sau khi mua đất do ở xa nên không trực tiếp canh tác nên ông C ở gần đất ông ra canh tác. Đến năm 2013, ông có khởi kiện ông C ra xã T giải quyết nhưng ông C không chịu giao đất cho ông. Tại thời điểm đó ông không tiếp tục khởi kiện ông C ra Tòa vì ông bận chuyện gia đình. Lúc mua đất của ông H2 ông có thấy 01 cái mộ đất. Thời gian gần đây ông về thăm đất thì có thấy 02 cái mộ nhưng ông C đã xây xi măng. Nay ông khởi kiện yêu cầu ông C phải giao trả đất cho ông tại các thửa đất trên; di dời 02 ngôi mộ trên đất. Đồng thời buộc ông C phải bồi thường tiền mà ông C sử dụng đất của ông từ năm 2013 đến nay là 165.000.000đồng (mỗi năm tính tiền giá thuê là 15.000.000đồng/ha). Ông C đã canh tác đất của ông đến nay là 11 năm nên ông C phải trả ông số tiền trên. Ngoài ra ông C phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với ông tại các thửa đất nói trên.

*Bị đơn ông Nguyễn Tấn C trình bày*: Nguồn gốc các thửa đất trên là của ông Nguyễn Văn T1 và bà Huỳnh Thị N1 (ông bà nội của ông) chết để lại. Trên đất này có 02 ngôi mộ của ông bà nội ông. Năm 1997, đất này là chị họ của ông tên Trương Thị C1 con của bà Nguyễn Thị N2 (bà N2 là chị của cha ông Nguyễn Văn C2) kê khai đăng ký. Bà C1 cho cháu ngoại là Nguyễn Văn H4 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do trên đất có mã ông bà nội ông nên cháu ngoại là Nguyễn Văn H4 chuyển lại cho ông (cháu nội) thờ cúng ông bà nhưng do đất ông quá nhiều vượt hạn điền nên ông để cho chị ruột là bà Nguyễn Thị O đứng tên. Bà O chết cháu H2 (con bà O) kê khai đăng ký thừa kế quyền sử dụng đất và bán luôn cho ông Đỗ Biên T. Đất thì ông quản lý canh tác từ năm 2007 đến nay. Qua các yêu cầu khởi kiện nêu trên của ông Đỗ Biên T ông không đồng ý.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Ghè Long H1 trình bày ý kiến*: Chồng bà là ông Võ Trọng H2 sinh ngày 24/8/1972 chết vào ngày 25/8/2021 (bệnh). Trước khi chồng bà chết, thì vợ chồng bà có chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 8.641m$^2$ thuộc các thửa 50, 53, 54 tờ bản đồ 32 ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An cho ông Đỗ Biên T, ông T đã giao đủ tiền cho vợ chồng bà, vợ chồng bà đã giao đất cho ông T từ

năm 2011 cho đến nay. Bà xác định không có tranh chấp gì trong vụ án này. Đồng thời bà xin xét xử vắng mặt.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Châu Thị L trình bày:* bà là vợ ông Nguyễn Tấn C, bà thống nhất lời trình bày của ông C.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng Võ Văn N trình bày:* Vào ngày 14/4/2011, ông Võ Trọng H2 và ông Đỗ Biên T có đến Văn phòng C3 tỉnh Long An yêu cầu chứng thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại các thửa đất 50, 53 và 52 tờ bản đồ 32 ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An. Khi đến công chứng các bên đã xuất trình đầy đủ các giấy tờ cần thiết (bản chính), các bên đã nghe công chứng viên giải thích rõ về nội dung trong hợp đồng và đồng ý ký tên và điểm chỉ vào hợp đồng trước mặt công chứng viên. Vì vậy, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên đã được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Tài sản là quyền sử dụng đất do ông Võ Trọng H2 chuyển nhượng cho ông Đỗ Biên T là do nhận thừa kế từ bà Nguyễn Thị O. Văn phòng công chứng xin xét xử vắng mặt.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Đ trình bày*:

Nguồn gốc đất các thửa 50, 52 và 53 tờ bản đồ 32 xã T:

Ngày 10/7/1997, Uỷ ban nhân dân (UBND) huyện Đ ban hành quyết định số 501/QĐ.UB về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đơn vị xã T và 583 các nhân trong đó có bà Trương Thị C1 với tổng diện tích 8.641m$^2$ gồm 03 thửa đất là căn cứ vào hồ sơ xét duyệt Hội đồng đăng ký xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo mẫu Trung ương của xã T và danh sách đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất theo mẫu Trung ương, trong đó có hộ bà Trương Thị C1 (số thứ tự 9).

Ngày 29/10/2003, bà Trương Thị C1 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn H4 tại các thửa đất 50, 52 và 53 tờ bản đồ 32 xã T là thực hiện theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Trương Thị C1 với ông Nguyễn Văn H4 được UBND xã T chứng thực cùng ngày.

Đến ngày 16/12/2003, ông Nguyễn Văn H4 được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các thửa 50, 52 và 53 tờ bản đồ 32 xã T là căn cứ vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên.

Ngày 10/8/2007, ông Nguyễn Văn H4 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị O tại các thửa 50, 52 và 53 tờ bản đồ 32 xã T là thực hiện theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn H4 với bà Nguyễn Thị O được UBND xã T chứng thực cùng ngày.

Đến ngày 17/9/2007, UBND huyện Đ ban hành quyết định số 8119/QĐ-UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị O tại các thửa 50, 52, 53 tờ bản đồ số 32 toạc lạc tại xã T là căn cứ vào Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên.

Ngày 24/2/2011, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất chỉnh lý biến động tại trang 4 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ bà Nguyễn Thị O sang tên ông Võ Trọng H2 là căn cứ theo Văn bản khai nhận di sản số 262 quyển số 02 TP/CC – SCC/TK của Phòng C4 chứng thực ngày 25/01/2011.

Ngày 14/4/2011, Võ Trọng H2 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Biên T tại các thửa đất số 50, 52, 52 tờ bản đồ đồ 32 xã tọa lạc xã T là được thực hiện theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Võ Trọng H2 với ông Đỗ Biên T được Phòng C4 tỉnh Long An cọng chứng cùng ngày.

Đến ngày 02/6/2011, UBND huyện Đ ban hành quyết định số 8114/QĐ- UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Đỗ Biên T tại các thửa số 50, 52 và 53 tờ bản đồ số 32 tọa lạc xã T là căn cứ vào Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên.

Thửa đất số 50, 52 và 53 tờ bản đồ 32 xã T hiện nay không có thế chấp cho tổ chức cá nhân nào.

Vụ án đã được Tòa án cấp sơ thẩm hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 119/2023/DS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Biên T về việc tranh chấp *"Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật về việc sử dụng đất, tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại về tài sản là quyền sử dụng đất*" với ông Nguyễn Tấn C.

1.1. Buộc ông Nguyễn Tấn C cùng vợ là Châu Thị L chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc sử dụng đất đối với ông Đỗ Biên T tại các thửa đất 50, 52 và 53 tờ bản đồ 32 xã T, huyện Đ, tỉnh Long An. Vị trí đất đính kèm Mãnh trích đo địa chính do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ lập ngày 26/7/2023. Ông Đỗ Biên T được thực hiện các quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật đất đai tại Điều 166 Luật đất đai 2013.

1.2. Buộc ông Nguyễn Tấn C phải trả lại cho ông Đỗ Biên T quyền sử dụng đất các thửa đất 50, 52 và 53 tờ bản đồ 32 xã T, huyện Đ, tỉnh Long An. Vị trí đất đính kèm Mãnh trích đo địa chính do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ lập ngày 26/7/2023.

1.3. Buộc ông Nguyễn Tấn C liên đới cùng bà Châu Thị L bồi thường tiền sử dụng đất cho ông Đỗ Biên T tại các thửa đất 50, 52 và 53 tờ bản đồ 32 xã T, huyện Đ, tỉnh Long An là 80.000.000đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Đỗ Biên T về việc yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Tấn C di dời 02 ngôi mộ trên thửa 50, tờ bản đồ số 32 xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

3. Về chi phí thẩm định: Buộc ông Nguyễn Tấn C phải chịu 15.000.000đồng và phải nộp lại hoàn trả cho ông Đỗ Biên T.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng N4 quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Tấn C và bà Châu Thị L được miễn án phí. Ông Đỗ Biên T phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm phần không được cấp nhận yêu cầu. Số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai số 0006982 ngày 20/10/2022 tại Chi cục thi hành án huyện Đức Hòa. H2

lại cho ông Đỗ Biên T 4.125.000đồng theo biên lai số 0006980 ngày 20/10/2022 tại Chi cục thi hành án huyện Đức Hòa.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và hướng dẫn thi hành án.

Bản án sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 10/8/2023, nguyên đơn ông Đỗ Biên T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông C phải di dời 02 ngôi mộ trên thửa 50, tờ bản đồ số 32 tọa lạc tại xã T, huyện Đ, tỉnh Long An và buộc ông C phải hoàn trả số tiền hoa lợi do sử dụng đất không hợp pháp với số tiền là 180.000.000đồng.

Ngày 21/8/2023 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa ban hành Quyết định kháng nghị số 713/QĐ-VKS-DS đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo, ông T yêu cầu ông C phải di dời 02 ngôi mộ và phải trả cho ông T số tiền 165.000.000đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An rút toàn bộ quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa.

Phần tranh luận:

Ông T trình bày: khi ông nhận chuyển nhượng đất từ ông H2 thì ông có đến xem đất, trên đất tại thửa 50 lúc này đã có 02 ngôi mộ bằng đất, sau khi ông T nhận chuyển nhượng đất thì ông C tự ý xây thành mộ đá mà không hỏi ý kiến của ông. Ông T cho rằng việc tồn tại 02 ngôi mộ trên thửa đất 50 sẽ ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của ông T nên ông yêu cầu ông C phải di dời 02 ngôi mộ này và ông T tự nguyện hỗ trợ chi phí dời mộ.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến*:

Về chấp hành pháp luật: Đơn kháng cáo của ông Đỗ Biên T và quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

Tại phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An rút toàn bộ quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa.

Đối với yêu cầu kháng cáo của ông T yêu cầu ông C phải di dời 02 ngôi mộ. Xét thấy theo sự thừa nhận của ông Đỗ Biên T thì tại thời điểm nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì trên đất đã tồn tại sẵn 02 ngôi mộ. Do đó yêu cầu của ông T đề nghị Tòa án buộc ông C di dời 02 ngôi mộ ra khỏi thửa đất này là không có căn cứ. Bởi vì người chuyển nhượng đất cho ông T không phải là ông Nguyễn Tấn C.

Đối với yêu cầu của ông Đỗ Biên T về việc buộc ông Nguyễn Tấn C phải bồi thường tiền sử dụng đất của ông tại các thửa 50, 52 và 53 tờ bản đồ 32 xã T với số tiền theo giá thuê hàng năm là 15.000.000đồng x 11 năm là 165.000.000đồng, thấy rằng theo sự thừa nhận của ông Nguyễn Tấn C giá thuê đất trồng lúa tại địa bàn xã T hàng năm là từ 10.000.000đồng đến 12.000.000đồng/năm. Ông C sử dụng đất bất hợp pháp của ông

T từ năm 2012 đến nay nên cần buộc ông C phải trả tiền thuê đất hàng năm cho ông T theo giá 10.000.000đồng/ha. Vì vậy, ông C phải trả tiền thuê cho ông T là 8.000.000đồng/8.641m$^2$ (diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) x 10 năm = 80.000.000đồng là phù hợp.

Do đó, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của ông Đỗ Biên T và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Đương sự vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin vắng mặt, căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An rút lại toàn bộ quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa. Việc rút lại quyết định kháng của đại diện Viện kiểm sát là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 3 điều 298 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút lại quyết định kháng nghị của Kiểm sát viên. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa.

[4] Xét kháng cáo của ông T yêu cầu ông C phải di dời 02 ngôi mộ trên thửa đất số 50, tờ bản đồ số 32 xã T, huyện Đ, tỉnh Long An. Xét thấy, tại phiên tòa và quá trình giải quyết vụ án ông T trình bày khi ông nhận chuyển nhượng các thửa đất 50, 52 và 53 tờ bản đồ số 32 xã T từ ông Võ Trọng H2 thì trên đất đã có sẵn 02 ngôi mộ này. Khi ông T nhận chuyển nhượng đất với ông H2 thì hai bên không thỏa thuận gì về việc di dời 02 ngôi mộ trên thửa đất này. Ông C không phải là người chuyển nhượng thửa đất 50 cho ông T nên ông T yêu cầu ông C phải di dời 02 ngôi mộ trên thửa đất 50 là không có căn cứ chấp nhận. Do đó, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của ông T.

[5] Xét kháng cáo của ông T yêu cầu ông C phải hoàn trả số tiền hoa lợi thu được từ việc ông C chiếm dụng và sử dụng các thửa đất 50, 52, 53 của ông T từ tháng 6 năm 2012 đến tháng 06 năm 2022 là 11 năm với số tiền là 165.000.000đồng (tương đương số tiền cho thuê đất mỗi năm là 15.000.000đồng/ha). Tuy nhiên, ông T không cung cấp được chứng cứ chứng minh giá thuê đất ruộng tại địa bàn xã T mỗi năm là 15.000.000đồng/ha. Án sơ thẩm căn cứ vào sự thừa nhận của ông C xác định giá thuê đất mỗi là 10.000.000đồng/ha làm cơ sở giải quyết yêu cầu bồi thường là có căn cứ. Ba thửa đất số 50, 52 và 53 có tổng diện tích là 8.641m$^2$, nên án sơ thẩm buộc bên ông C phải bồi thường cho ông T 80.000.000đồng do sử dụng đất không hợp pháp là có căn cứ.

[6] Từ những cơ sở trên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đỗ Biên T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận theo Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên*;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ  khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Chấp nhận việc rút lại toàn bộ Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa; Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị số 713/QĐ-VKS-DS ngày 21/8/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Biên T;

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 119/2023/DS-ST ngày 07/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Căn cứ các điều 26, 37, 39, 147, 148, 244, 296, 307, 313 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 169, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 100; Điều 166 Luật Đất đai 2013; các điều 12, 26, 27, 29  Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Biên T về việc tranh chấp *"Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật về việc sử dụng đất, tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại về tài sản là quyền sử dụng đất*" với ông Nguyễn Tấn C.

1.1. Buộc ông Nguyễn Tấn C cùng vợ là bà Châu Thị L chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc sử dụng đất đối với ông Đỗ Biên T tại các thửa đất 50, 52 và 53 tờ bản đồ 32 xã T, huyện Đ, tỉnh Long An. Vị trí đất đính kèm Mảnh trích đo địa chính do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ lập ngày 26/7/2023. Ông Đỗ Biên T được thực hiện các quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật đất đai tại Điều 166 Luật đất đai 2013.

1.2. Buộc ông Nguyễn Tấn C phải trả lại cho ông Đỗ Biên T quyền sử dụng đất các thửa đất 50, 52 và 53 tờ bản đồ 32 xã T, huyện Đ, tỉnh Long An. Vị trí đất đính kèm Mảnh trích đo địa chính do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ lập ngày 26/7/2023.

1.3. Buộc ông Nguyễn Tấn C liên đới cùng bà Châu Thị L bồi thường tiền sử dụng đất cho ông Đỗ Biên T tại các thửa đất 50, 52 và 53 tờ bản đồ 32 xã T, huyện Đ, tỉnh Long An là 80.000.000đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Đỗ Biên T về việc yêu cầu ông Nguyễn Tấn C di dời 02 ngôi mộ trên thửa 50, tờ bản đồ số 32 xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Tấn C phải chịu 15.000.000đồng và phải nộp lại hoàn trả cho ông Đỗ Biên T.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng N4 quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Tấn C và bà Châu Thị L được miễn án phí. Ông Đỗ Biên T phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm phần không được cấp nhận yêu cầu. Số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai số 0006982 ngày 20/10/2022 tại Chi cục thi hành án huyện Đức Hòa. H2

lại cho ông Đỗ Biên T 4.125.000đồng theo biên lai số 0006980 ngày 20/10/2022 tại Chi cục thi hành án huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Đỗ Biên T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002811 ngày 28/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

7. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

8. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Thị Phúc**

**Các thẩm phánThẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đặng Văn N3 - Phùng Thị Cẩm HồngTrịnh Thị Phúc**